

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
theo hướng đồng bộ, hiện đại

Trong những năm qua, thực hiện các chủ trương của Trung ương và của tỉnh, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã được quan tâm đầu tư và đạt một số kết quả quan trọng. Mạng lưới giao thông từng bước được nâng cấp, mở rộng, hình thành các kết nối liên vùng thông qua hệ thống cao tốc, quốc lộ và vành đai; diện mạo đô thị, nông thôn có chuyển biến tích cực, tỷ lệ đô thị hóa tăng nhanh. Hạ tầng cung cấp điện, nước sạch, thủy lợi, thông tin và truyền thông cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, sinh hoạt của Nhân dân.

Tuy nhiên, hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh nhìn chung còn thiếu đồng bộ, chưa hiện đại, liên kết vùng chưa cao; một số lĩnh vực hạ tầng quan trọng như giao thông chiến lược, đô thị, môi trường, năng lượng, hạ tầng số và hạ tầng xã hội phát triển chưa theo kịp yêu cầu phát triển mới. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch và tổ chức thực hiện còn hạn chế; nguồn lực đầu tư còn phân tán, cơ chế huy động các nguồn lực ngoài nhà nước chưa thực sự hiệu quả.

Những hạn chế nêu trên chủ yếu do nguyên nhân chủ quan, nhất là nhận thức và tư duy về phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại của một số cấp ủy, chính quyền chưa đầy đủ, thiếu quyết liệt. Trước yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và mục tiêu xây dựng tỉnh Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030, việc ban hành Nghị quyết chuyên đề về phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại là nhiệm vụ chiến lược, cấp bách, nhằm tạo đột phá phát triển, nâng cao chất lượng sống của Nhân dân và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

- Việc xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại phải bám sát thực tiễn, quán triệt và vận dụng linh hoạt, sáng tạo đường lối, chủ trương

của Đảng, nhất là các quyết sách chiến lược của Trung ương; bảo đảm phù hợp với định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, các nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

- Xác định kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại là định hướng chiến lược lâu dài và khâu đột phá trọng tâm, gắn với tổ chức lại không gian phát triển, hình thành các trục động lực, cực tăng trưởng; tạo nền tảng vững chắc để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng tỉnh Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phải đi trước một bước, bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại; tăng cường liên kết giữa các loại hình hạ tầng, giữa nội tỉnh với vùng và liên vùng; khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, phát huy giá trị văn hóa làm nền tảng, lấy kết nối làm động lực, phát triển công nghiệp, đô thị và kinh tế biển làm trụ cột.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và dữ liệu làm động lực cốt lõi; ưu tiên hạ tầng số an toàn, nền tảng dữ liệu dùng chung, ứng dụng công nghệ số, AI, IoT trong quản lý, điều hành, xây dựng đô thị thông minh và thúc đẩy phát triển kinh tế số.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình đồng bộ, hiện đại, có tính kết nối cao trong nội tỉnh và với vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô Hà Nội, duyên hải Bắc Bộ và cả nước; hình thành các hành lang kinh tế - đô thị - công nghiệp - dịch vụ gắn với các trục giao thông chiến lược và tuyến ven biển, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững, tạo nền tảng vững chắc để phấn đấu xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Các mục tiêu, chỉ tiêu

2.1. Hoàn thành các tiêu chí để xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

2.2. Về phát triển kết cấu hạ tầng, xây dựng đô thị và môi trường

- Hoàn thành cơ bản các trục giao thông động lực, đường trục và tuyến liên kết vùng trọng điểm; bảo đảm kết nối liên hoàn giữa các vùng, đô thị, khu

công nghiệp, khu du lịch và vùng ven biển; đầu tư, đưa vào khai thác tối thiểu 02 công trình đầu môi hạ tầng giao thông cấp khu vực và quốc tế theo lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 60,1%; hoàn thành đầu tư xây dựng khoảng 25.300 căn nhà ở xã hội.

- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt trên 95%; tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đạt tối thiểu 50% đối với các đô thị trung tâm.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt từ 97% trở lên tại khu vực đô thị và từ 92% trở lên tại khu vực nông thôn; 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Triển khai ngầm hóa 100% mạng lưới cáp viễn thông, đường dây điện tại các tuyến đường cải tạo, xây dựng mới trong khu vực đô thị trung tâm và các khu đô thị mới; đầu tư hệ thống chiếu sáng thông minh tiết kiệm năng lượng.

- Phát triển hệ thống giao thông công cộng, bảo đảm tỷ lệ bao phủ 100% phường, xã trong khu vực đô thị bởi hệ thống giao thông công cộng; phát triển bãi đỗ xe thông minh.

2.3. Về kinh tế - nguồn lực cho phát triển hạ tầng

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân giai đoạn 2025-2030 đạt tối thiểu 11%/năm; GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2030 phấn đấu đạt tối thiểu 180 triệu đồng.

- Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2025-2030 đạt 1,39-1,45 triệu tỷ đồng (khoảng 38%/GRDP); thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2030 đạt trên 110 nghìn tỷ đồng.

- Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số chiếm tối thiểu 30% trong tổng sản phẩm (GRDP).

2.4. Về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tổng chi cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (bao gồm cả đầu tư và sự nghiệp) đạt trên 3,5% tổng chi ngân sách địa phương hằng năm.

- Đến năm 2030, tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ công đạt từ 85% trở lên; tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt từ 85% trở lên; tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt từ 80% trở lên.

- Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) nằm trong nhóm 10 tỉnh/thành phố dẫn đầu cả nước.

2.5. Về phát triển nông thôn

Phân đầu đến hết năm 2030, toàn tỉnh có 70% số xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới theo tiêu chí giai đoạn 2026-2030. Trong đó, có 12% số xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất đối với phát triển kết cấu hạ tầng. Xác định phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại là nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá chiến lược để thực hiện mục tiêu xây dựng tỉnh Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030. Phát huy vai trò lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền; đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển hạ tầng theo mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

- rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các quy hoạch bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với không gian phát triển mới của tỉnh; gắn phát triển kết cấu hạ tầng với tổ chức lại không gian kinh tế - đô thị - công nghiệp - dịch vụ, hình thành các trục động lực, hành lang kinh tế và vùng phát triển trọng điểm, đáp ứng yêu cầu kết nối nội tỉnh và liên vùng.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, hạ tầng năng lượng, môi trường; tập trung các trục giao thông động lực, các tuyến liên kết vùng và các công trình đầu mối hạ tầng giao thông cấp khu vực, quốc tế theo lộ trình. Nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đáp ứng yêu cầu đô thị hóa, phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng sống của Nhân dân.

- Phát triển hạ tầng số đồng bộ, an toàn; xây dựng nền tảng dữ liệu dùng chung; thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển

đổi số trong quản lý phát triển kết cấu hạ tầng, đô thị, giao thông, môi trường; tạo nền tảng cho phát triển kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

- Tập trung nguồn lực cho các dự án hạ tầng trọng điểm, có tính lan tỏa; nâng cao hiệu quả đầu tư công; khai thác hợp lý nguồn lực đất đai, không gian đô thị và vùng ven biển; đẩy mạnh thu hút nguồn lực ngoài nhà nước tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

2. Giải pháp chủ yếu

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện

Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy đảng, sự quản lý thống nhất của chính quyền các cấp đối với phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, lâu dài, khâu đột phá chiến lược, có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện mục tiêu xây dựng tỉnh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kết cấu hạ tầng; gắn kết quả thực hiện với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân liên quan. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò của phát triển kết cấu hạ tầng đối với phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng sống.

Kịp thời cụ thể hóa Nghị quyết thành các chương trình, kế hoạch, đề án triển khai theo từng giai đoạn, lĩnh vực và địa bàn; bảo đảm rõ mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình, nguồn lực và trách nhiệm thực hiện, đáp ứng yêu cầu khả thi, đồng bộ và hiệu quả.

2.2. Nâng cao chất lượng quy hoạch, quản lý quy hoạch và tổ chức không gian phát triển

Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch đô thị bảo đảm đồng bộ, thống nhất, chất lượng, tầm nhìn dài hạn; phù hợp với định hướng phát triển tỉnh và không gian phát triển mới sau sáp nhập. Nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý quy hoạch.

Tổ chức phát triển kết cấu hạ tầng gắn chặt với tổ chức lại không gian phát triển kinh tế - xã hội, đô thị, công nghiệp, dịch vụ và du lịch; hình thành rõ các trục động lực, hành lang kinh tế, vùng phát triển trọng điểm; tăng cường liên kết giữa hạ tầng giao thông, đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, du lịch và vùng ven biển.

Nghiên cứu, ban hành và tổ chức thực hiện các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn địa phương về hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng số, hạ tầng xanh; quy chế quản lý kiến trúc, không gian ngầm, không gian trên cao và hạ tầng dùng chung; kiểm soát chặt chẽ việc điều chỉnh quy hoạch, khắc phục tình trạng đầu tư manh mún, thiếu liên kết, làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn lực.

2.3. Tập trung đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm

Ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả nội tỉnh và liên vùng; tập trung các trục giao thông động lực, đường trục chính, các tuyến liên kết vùng và các công trình đầu mối hạ tầng giao thông cấp khu vực, quốc tế theo quy hoạch và lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phát triển đồng bộ hạ tầng đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, hạ tầng thương mại - dịch vụ, hạ tầng năng lượng và hạ tầng môi trường; nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, nhất là cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, chiếu sáng, cây xanh và không gian công cộng, đáp ứng yêu cầu đô thị hóa, phát triển bền vững và nâng cao chất lượng sống của Nhân dân.

Ưu tiên đầu tư phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà ở tái định cư gắn với chỉnh trang, tái thiết đô thị; hiện đại hóa lưới điện, phát triển lưới điện thông minh và tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo, bảo đảm an ninh năng lượng và phát triển bền vững.

2.4. Phát triển hạ tầng số, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đẩy mạnh đầu tư phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông, mạng truyền dẫn băng rộng, trung tâm dữ liệu; xây dựng, kết nối và khai thác hiệu quả các nền tảng dữ liệu dùng chung, kho dữ liệu dùng chung và hệ thống dữ liệu nền

tảng (GIS), phục vụ công tác quy hoạch, quản lý và phát triển kết cấu hạ tầng, đô thị.

Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong đầu tư, quản lý, vận hành các công trình hạ tầng; thúc đẩy xây dựng đô thị thông minh, giao thông thông minh, quản lý năng lượng, môi trường và cung cấp dịch vụ công hiệu quả; từng bước hình thành mô hình quản trị đô thị hiện đại, góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số.

2.5. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển hạ tầng

Nâng cao hiệu quả đầu tư công; tập trung vốn cho các dự án hạ tầng trọng điểm, dự án hạ tầng khung, có tính lan tỏa, tạo động lực phát triển; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kéo dài; gắn kế hoạch vốn với tiến độ chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng và trách nhiệm của người đứng đầu.

Đa dạng hóa các hình thức huy động nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng; khai thác hiệu quả nguồn lực từ đất đai, không gian đô thị và khu vực ven biển; đẩy mạnh thu hút đầu tư ngoài nhà nước, hợp tác công - tư; chủ động tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, vốn ODA, vốn vay ưu đãi và lồng ghép các chương trình mục tiêu theo quy định.

Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm tạo môi trường đầu tư minh bạch, thuận lợi, hấp dẫn; tăng cường quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra trong đầu tư xây dựng cơ bản, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thất thoát, lãng phí, bảo đảm hiệu quả sử dụng nguồn lực.

2.6. Tăng cường phối hợp, theo dõi, kiểm tra, giám sát và nâng cao hiệu quả thực hiện Nghị quyết

Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện Nghị quyết; phân công rõ trách nhiệm, bảo đảm thống nhất, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Thực hiện nghiêm công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Gắn đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết với việc hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra; coi kết quả thực hiện Nghị quyết là tiêu chí quan trọng trong đánh giá năng lực lãnh đạo, điều hành của các cấp, các ngành, bảo đảm Nghị quyết được triển khai thực chất, hiệu quả.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, tuyên truyền, xây dựng kế hoạch cụ thể hóa, triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết. Phát huy cao độ sự đồng thuận xã hội, vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân nhằm sớm đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành chương trình, đề án, kế hoạch để cụ thể hóa, tổ chức thực hiện Nghị quyết với lộ trình, nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành, đảm bảo thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và yêu cầu đề ra; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết.

3. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tăng cường lãnh đạo, vận động các tổ chức thành viên, đoàn viên, hội viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chấp hành chủ trương của Đảng, phát huy vai trò, trách nhiệm tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đề ra.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, hướng dẫn việc tuyên truyền và quán triệt thực hiện Nghị quyết. Các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy căn cứ chức năng, nhiệm vụ thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết; kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư, (để báo cáo)
- Các Ban xây dựng Đảng Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương, (để báo cáo)
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban MTTQ tỉnh,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Đặng Xuân Phong